

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BVHTTDL-TCCB

V/v thi thăng hạng CDNN giảng viên giáo dục  
nghề nghiệp hạng II năm 2020

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Các trường Cao đẳng, Trung cấp trực thuộc Bộ

Thực hiện Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề nghị các trường cao đẳng, trung cấp trực thuộc Bộ trên cơ sở vị trí việc làm đã được phê duyệt, xem xét cử giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành (hạng III) đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu của ngạch giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II); giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành (hạng III) đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo yêu cầu của ngạch giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II tham gia dự thi như sau:

**I. Đối tượng dự thi:**

Viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp trong các trường Cao đẳng, trường Trung cấp trực thuộc Bộ tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và xếp lương chức danh gồm:

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số: V.09.02.03;

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số: V.09.02.04;

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III - Mã số: V.09.02.07;

- Giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III - Mã số: V.09.02.08.

**II. Về điều kiện dự thi:**

1. Viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp trong các trường cao đẳng, trường trung cấp trực thuộc Bộ tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) năm 2020 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1.1. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

1.2. Được cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị và cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

1.3. Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian

gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) tối thiểu là 02 (hai) năm.

#### 1.4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức vững vàng về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết vững vàng về thực tiễn nghề nghiệp, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình hoặc 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Đạt giải trong Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội giảng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) trở lên hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học được giải trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm cấp tỉnh thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) trở lên hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học đạt giải trong Hội thi tay nghề, Hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

e) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã được nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên.

#### 1.5. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động, Thương binh và xã hội quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II).

2. Viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp trong các trường cao đẳng, trường trung cấp trực thuộc Bộ tham dự kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II năm 2020 khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

2.1. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Được cơ sở giáo dục nghề nghiệp đề nghị và cấp có thẩm quyền cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.3. Viên chức thăng hạng lên chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III hoặc giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giáo viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hạng III hoặc giáo viên giáo dục nghề nghiệp thực hành hạng III tối thiểu là 02 (hai) năm.

2.4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức vững vàng về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết vững vàng về thực tiễn nghề nghiệp, về những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

d) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) chương trình hoặc 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy;

đ) Đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị

dạy học được giải trong Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên hoặc bồi dưỡng được ít nhất 01 (một) người học đạt giải trong Hội thi tay nghề, Hội thi văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

e) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài khoa học cấp cơ sở đã được nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên;

### 2.5. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giáo viên dạy lý thuyết có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; giáo viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng tốt nghiệp đại học hoặc đại học sư phạm trở lên chuyên ngành phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ trung cấp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 08/2017/TT- BLĐTBXH;

b) Đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH;

c) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc tương đương trở lên;

d) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT hoặc tương đương trở lên;

đ) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II.

3. Đối với tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) và giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II:

Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham dự kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức trước ngày 31/12/2020 không yêu cầu phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông báo kết quả thi hoặc xét thăng hạng thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức phải có trách nhiệm cử viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp tham dự khóa bồi dưỡng để cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự thi hoặc xét. Viên chức được cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự thi hoặc xét thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện bổ nhiệm viên chức vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng tính từ ngày có thông báo kết quả thi hoặc xét thăng hạng. Trường hợp viên chức không được cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng dự thi hoặc xét thì cơ quan có thẩm quyền không bổ nhiệm viên chức vào hạng chức danh nghề nghiệp trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng và không bảo lưu kết quả kỳ thi hoặc xét đã tham dự.

### **III. Về nội dung, hình thức và dự kiến thời gian thi:**

1. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành (hạng III) lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II):

#### **1.1. Môn thi Kiến thức chung**

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự thi (chiếm 70% nội dung thi); Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 30% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 60 phút.

#### **1.2. Môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Nội dung thi: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II);

b) Hình thức thi: Tự luận;

c) Thời gian thi: 120 phút.

#### **1.3. Môn thi Ngoại ngữ**

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ Bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

#### **1.4. Môn thi tin học**

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

2. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết hoặc thực hành hạng III lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp hạng II

#### **2.1. Môn thi Kiến thức chung**

a) Nội dung thi: 60 câu hỏi về quản lý nhà nước và pháp luật về viên chức; hiểu biết về chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp của hạng dự thi (chiếm 70% nội dung thi); Định hướng chiến lược, kế hoạch phát triển của ngành (chiếm 30% nội dung thi);

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 60 phút.

#### **2.2. Môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ**

a) Nội dung thi: Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II;

b) Hình thức thi: Tự luận;

c) Thời gian thi: 120 phút.

### 2.3. Môn thi Ngoại ngữ

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng đọc, viết ở trình độ ngoại ngữ Bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, do viên chức đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

### 2.4. Môn thi Tin học

a) Nội dung thi: 30 câu hỏi về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên giấy hoặc trắc nghiệm trên máy vi tính;

c) Thời gian thi: 30 phút.

## 3. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức dự thi thăng hạng

3.1. Có tuổi đời đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

3.2. Viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận. Chứng chỉ quy định tại khoản này phải còn trong thời hạn quy định tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

3.3. Có bằng tốt nghiệp là bằng ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của hạng dự thi.

3.4. Có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của hạng dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam.

## 4. Miễn thi tin học đối với viên chức dự thi thăng hạng

Miễn thi tin học đối với viên chức có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học, toán - tin trở lên.

5. Xác định viên chức được thăng hạng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

5.1. Kết quả thi là tổng số điểm của môn thi Kiến thức chung và môn thi Chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả điểm các môn thi Ngoại ngữ, Tin học là điểm điều kiện, không tính vào tổng số điểm thi.

5.2. Viên chức được thăng hạng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải tham dự đủ các môn thi theo quy định đối với từng hạng, mỗi môn thi đạt từ 50 điểm trở lên trừ những môn được miễn thi theo quy định, các môn thi được chấm theo thang điểm 100 và được xác định theo nguyên tắc: Viên chức được thăng hạng là viên chức có kết quả thi cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu thăng hạng trong Đề án tổ chức thi thăng hạng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.3. Trường hợp có từ 02 viên chức trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng được phân bổ thì xác định viên chức được thăng hạng theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Viên chức có điểm môn thi Chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn;
- Viên chức có thâm niên công tác lâu hơn.

5.4. Trường hợp không xác định viên chức được thăng hạng theo thứ tự ưu tiên thì Hội đồng thi trực tiếp phỏng vấn, xem xét và quyết định viên chức được thăng hạng.

5.5. Viên chức không được thăng hạng trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả thi cho các kỳ thi thăng hạng lần sau.

6. Thời gian dự kiến thi: tháng 9/2020.

#### **IV. Hồ sơ đăng ký dự thi:**

1. Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Mẫu số 1 gửi kèm theo);

2. Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

3. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (Mẫu số 2 gửi kèm theo);

4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

5. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch;

6. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính (có công chứng) hoặc được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

7. Các văn bản, giấy chứng nhận để được xét miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học (nếu là đối tượng được xét miễn thi);

8. Bản sao các quyết định, biên bản nghiệm thu, tên văn bản hoặc văn bản xác nhận đề tài, chương trình, đề án đã được cấp có thẩm quyền thông qua, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

9. Bản sao các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch giảng viên hoặc giáo viên; quyết định chuyển sang ngạch giảng viên hoặc giáo viên; các quyết định nâng lương, chuyển xếp lương được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành. Đối với trường hợp được cử đi học nước ngoài theo đề án, thảo thuận hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thay thế Bản sao công nhận văn bằng bởi Bản sao quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị các trường cao đẳng, trung cấp trực thuộc Bộ gửi văn bản, danh sách (Mẫu số 3 gửi kèm theo) và hồ sơ của giảng viên hoặc giáo viên đủ điều kiện tham dự kỳ thi nâng ngạch giảng viên lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) hoặc giáo viên lên giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II năm 2020 về Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Vụ Tổ chức cán bộ) và file điện tử về địa chỉ lethuynga1202@gmail.com **trước ngày 30/5/2020** (theo dấu bưu điện). Quá thời hạn trên đơn vị nào không gửi văn bản coi như không có nhu cầu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II), giáo viên giáo dục nghề nghiệp hạng II năm 2020.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch thông báo để các đơn vị được biết và thực hiện./.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB, LTN(30).

**Lê Thị Phụng**



